

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 689/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: H T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Nơi cư trú: H T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông T1 có tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó trong gia đình vợ chồng

thiếu sự quan tâm lo lắng cho nhau. Thời gian sống ly thân, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do tình cảm dành cho ông T1 không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông T1.

Về con chung: Ông bà có 03 (ba) con chung tên Võ Thị Hồng T2, sinh năm 1996; Võ Thị Mỹ Ý, sinh năm 2000 và Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày thì ông không đồng ý. Bà T cho rằng ông ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh, thời gian vợ chồng sống ly thân bà T không tạo cơ hội để vợ chồng hòa giải, hàn gắn. Ngoài ra, lý do ông không đồng ý ly hôn là do vợ chồng chưa thỏa thuận xong phần tài sản.

Về con chung: Ông với bà T có 03 (ba) con chung Võ Thị Hồng T2, sinh năm 1996; Võ Thị Mỹ Ý, sinh năm 2000; Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1, ông T1 cư ngụ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T1 và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà T trình bày, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T1 có tình cảm với người khác, vợ chồng thiếu sự quan tâm lo lắng cho nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn ông T1.

Ông T1 không đồng ý với bà T về nguyên nhân mâu thuẫn, ông không ngoại tình như bà T trình bày mà bà T chỉ thấy được tin nhắn qua lại trong điện thoại của ông. Thời gian ông bà sống ly thân bà T về nhà mẹ vợ ở, không tạo cho ông cơ hội vợ chồng hòa giải mâu thuẫn. Ngoài ra, cũng do vợ chồng chưa thỏa thuận được về tài sản, nên ông không đồng ý ly hôn.

Qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng tình cảm dành cho ông T1 không còn, hôn nhân không hạnh phúc; trước đây bà đã một lần gửi đơn ly hôn nhưng vì con, vì gia đình bà tạo cơ hội vợ chồng hàn gắn nhưng ông T1 vẫn không sửa đổi, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên lần này bà kiên quyết ly hôn. Ông T1 không đồng ý ly hôn, nhưng thời gian ly thân ông không có giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình, ngoài ra ông cũng cho rằng vì chưa thỏa thuận xong tài sản nên chưa đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, thực tế cả ông T1 và bà T đều không quan tâm nhau, thời gian sống ly thân từ năm 2024 đến nay cả hai không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông T1 cũng xác định do chưa thỏa thuận xong về tài sản chung nên không đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, lý do ông T1 không đồng ý ly hôn cũng không xuất phát từ ý muốn đoàn tụ, không thật sự mong muốn hàn gắn hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà T được ly hôn ông T1.

[2.2]. Về con chung: Ông T1 và bà T có 03 (ba) con chung Võ Thị Hồng T2, sinh năm 1996; Võ Thị Mỹ Ý, sinh năm 2000; Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T1 và bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nếu có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu T được ly hôn ông Võ Văn T1.

Về con chung: Ông T1 và bà T có 03 (ba) con chung Võ Thị Hồng T2, sinh năm 1996; Võ Thị Mỹ Ý, sinh năm 2000; Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001953, ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa